

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/04/2015 ĐẾN NGÀY 30/6/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	01 – 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	03
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	04 – 05
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	06 - 29

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/04/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.792.344.238.951	2.051.956.772.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	299.079.476.936	660.973.443.341
1. Tiền	111		127.047.821.224	589.770.127.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		172.031.655.712	71.203.315.562
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		152.669.656.384	274.770.266.982
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	152.669.656.384	274.770.266.982
III. Phải thu ngắn hạn	130		55.245.319.977	112.471.337.626
1. Phải thu khách hàng	131		28.842.874.637	62.580.283.637
2. Trả trước cho người bán	132		23.376.165.377	19.324.346.537
3. Các khoản phải thu khác	135		3.026.279.963	30.566.707.452
IV. Hàng tồn kho	140	6	1.212.998.081.735	832.014.315.751
1. Hàng tồn kho	141		1.213.805.373.344	832.821.607.360
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(807.291.609)	(807.291.609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.351.703.919	171.727.408.795
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		203.115.137	323.115.137
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.828.689.857	45.028.889.951
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		298.152.911	2.310.324.360
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.746.014	124.065.079.347
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		263.454.883.367	263.328.285.937
I. Tài sản cố định	220		9.856.301.449	10.272.059.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221		9.856.301.449	10.272.059.574
- Nguyên giá	222		11.436.824.073	11.436.824.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.580.522.624)	(1.164.764.499)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	253.544.999.445	252.986.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		253.544.999.445	254.088.000.000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		-	-
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	(1.102.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		53.582.473	70.226.363
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		53.582.473	70.226.363
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.055.799.122.318	2.315.285.058.432

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/04/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		550.747.630.403	952.355.107.282
I. Nợ ngắn hạn	310		550.747.630.403	952.355.107.282
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	83.100.000.000	276.868.090.825
2. Phải trả người bán	312	9	343.319.303.400	491.457.722.941
3. Người mua trả tiền trước	313		47.153.494.550	77.202.896.615
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		13.943.489.336	10.765.678.671
5. Chi phí phải trả	316		567.222.222	4.623.500.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	47.307.666.200	68.741.914.948
7. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320		6.910.251.413	14.230.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.446.203.282	8.465.303.282
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.503.725.854.394	1.361.582.069.329
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	11	1.503.725.854.394	1.361.582.069.329
1. Vốn điều lệ	411		1.109.955.570.000	1.109.955.570.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.759.572.000	14.039.572.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		19.572.915.034	12.498.307.394
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		360.437.797.360	224.806.676.329
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		1.325.637.521	1.347.881.821
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)	440		2.055.799.122.318	2.315.285.058.432

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.451.702.474.649	2.045.648.617.434
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.277.272.727	1.277.272.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	12	1.450.425.201.922	2.044.371.344.707
4. Giá vốn hàng bán	11	13	1.291.678.604.707	1.806.413.766.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		158.746.597.215	237.957.578.005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.020.510.773	14.021.295.344
7. Chi phí tài chính	22		14.096.322.210	16.033.415.020
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.654.177.776	5.654.177.776
8. Chi phí bán hàng	24		(4.665.107.219)	(3.309.683.648)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.467.236.213	9.046.690.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		152.868.656.784	230.208.451.298
11. Thu nhập khác	31		3.035.920.334	124.117.567.180
12. Chi phí khác	32		408.000	408.000
13. Lợi nhuận khác	40		3.035.512.334	124.117.159.180
14. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết			1.184.168.465	1.184.168.465
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		157.088.337.583	355.509.778.943
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.933.627.798	19.756.519.976
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		143.154.709.785	335.753.258.967
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			103.755.700	138.096.360
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			143.050.954.085	335.615.162.607
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14		3.649

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/6/2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	157.088.337.583
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	415.758.125
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.661.393.595
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.737.929.627)
Chi phí lãi vay	06	4.671.122.221
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	156.098.681.897
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	156.481.722.525
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(380.983.765.984)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(625.323.106.106)
Thay đổi chi phí trả trước	12	136.643.890
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.671.122.221)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.759.078.671)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	7.608.493.449
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(365.664.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(701.777.195.221)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(229.896.961.667)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	351.997.572.265
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.737.929.627
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	130.838.540.225
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	280.867.831.980
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(69.032.168.020)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.774.137.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	209.061.526.810
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(361.877.128.186)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	660.973.443.341
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(16.838.219)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	299.079.476.936

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 7 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; lần thứ 9 ngày 20/10/2014, lần thứ 10 ngày 20/4/2015

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 là: 1.109.955.570.000 đồng.

Tại ngày 30/6/2015, Công ty có công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 30 (31 tháng 12 năm 2014: 22).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 hoặc theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2015 đến ngày 30/6/2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/6/2015.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ;
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng trích lập dự phòng 70%.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong kỳ trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông.

Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành:

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể, do đó từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành với tỷ lệ 0,45%/doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng	125.547.821.224	589.770.127.779
Tiền đang chuyển	1.500.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	172.031.655.712	71.203.315.562
Cộng	299.079.476.936	660.973.443.341

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	152.669.656.384	274.770.266.982
Cộng	152.669.656.384	274.770.266.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

SỐ B 09-DNHN

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015	01/04/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	495.944.884.169	122.324.569.853
Thành phẩm	6.656.764.664	8.921.092.390
Hàng hoá	504.609.692.325	701.575.945.117
Hàng hóa kho bảo thuế	206.594.032.186	-
Cộng	1.213.805.373.344	832.821.607.360
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(807.291.609)	(807.291.609)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.212.998.081.735	832.014.315.751

7. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang kể từ ngày 11/3/2015.

Thông tin chi tiết về Công ty con – Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, quốc lộ 5, Xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ

8. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015
	VND	VND
Tại 01/01/2015	254.088.000.000	180.000.000.000
Tăng giá gốc khoản đầu tư Công ty liên kết	-	74.088.000.000
Ảnh hưởng ghi nhận theo phương pháp vốn chủ	(1.727.169.020)	-
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết	1.184.168.465	-
Tại 30/6/2015	253.544.999.445	254.088.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải	40,00	40,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (**)	Phòng A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	36,00	36,00	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2015	01/04/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	83.100.000.000	276.868.090.825
Ngân hàng TMCP Liên Việt	83.100.000.000	276.868.090.825
Cộng	83.100.000.000	276.868.090.825

Vay ngân hàng TMCP Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau”

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 37/HM/2014/360 ngày 15/8/2014 với tổng hạn mức 100 tỷ đồng theo hình thức cho vay hoặc phát hành L/C trả ngay; Khoản vay chịu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ; Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm và bất động sản thuộc sở hữu của Công ty/Ban lãnh đạo/Cổ đông góp vốn/Bố, mẹ hoặc Anh, Chị, em ruột cổ đông góp vốn và hàng hóa hình thành trong tương lai từ phương án mở L/C tại ngân hàng (nếu có), và
- Vay ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Hải Phòng theo từng lần để mua USD thực hiện thanh toán L/C và chịu lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm tiền gửi tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/04/2015	
	USD	VND	USD	VND
Phải trả NCC nước ngoài	15.520.410,00	338.987.903.400	22.834.799,00	484.544.142.941
Phải trả NCC trong nước	-	4.331.400.000	-	6.913.580.000
Cộng	15.520.410	343.319.303.400	22.834.799	491.457.722.941

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015	01/04/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	-
Khoản phải trả khác	233.646.200	21.667.894.948
Cộng	47.307.666.200	68.741.914.948

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

IG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
 16 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
 h phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động
 từ ngày 01/04/2015 đến 30/6/2015

VIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNHN

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/04/2015 (*)	1.109.955.570.000	14.039.572.000	12.780.251.000	224.806.676.329	1.361.582.069.329
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	143.050.954.085	143.050.954.085
Trích quỹ trong năm	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Giảm khác	-	(280.000.000)	-	(627.169.020)	(907.169.020)
Tại 30/06/2015 (*)	1.109.955.570.000	13.759.572.000	19.572.915.034	360.437.797.360	1.503.725.854.394

(*) Trong đó bao gồm 119.527.895.446 đồng là khoản lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu với mức không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của khoản lãi từ giao dịch mua rẻ. Do đó, khoản lãi từ giao dịch mua rẻ này cần được loại trừ ra khỏi lợi nhuận trước khi dùng để chia cho chủ sở hữu Công ty Mẹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thông tin về cổ tức và phương án phát hành cổ phiếu

Ngày 25/6/2015, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 và đã ban hành Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ, theo đó Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

Kế hoạch trả cổ tức năm 2015: Tỷ lệ chi trả cổ tức là 30% (tính trên vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2015)

Phát hành cổ phiếu ra công chúng: Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 tương ứng 110.995.557 cổ phiếu và phát hành riêng lẻ cho các đại lý của Công ty với số lượng từ 30.000.000 đến 60.000.000 cổ phiếu.

Cổ phiếu

	30/6/2015	01/04/2015
	(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu	110.995.557	110.995.557
Số lượng cổ phiếu phổ thông	110.995.557	110.995.557
Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.995.557	110.995.557

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 1.109.955.570.000 đồng, tại ngày 30/6/2015 các cổ đông đã thực hiện góp đủ theo đăng ký.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/5/2015 như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ
		(Cổ phiếu)	tại 20/5/2015	(%)
			(VND)	
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	24.366.739	243.667.390.000	21,95
2	Ông Đỗ Hữu Hậu	10.625.175	106.251.750.000	9,57
3	Mutual Fund Elite	7.406.180	74.061.800.000	6,67
4	Ton Poh Thailan Fund	5.907.060	59.070.600.000	5,32
5	Cổ đông khác	62.690.403	626.904.030.000	56,48
	Cộng	110.995.557	1.109.955.570.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

SỐ B 09-DNHN

13. DOANH THU

Từ 01/04/2015
đến 30/06/2015

VND

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.451.702.474.649

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng

1.451.219.090.971

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

483.383.678

Các khoản giảm trừ doanh thu

1.277.272.727

Hàng bán bị trả lại

1.277.272.727

Doanh thu thuần

1.450.425.201.922

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Từ 01/04/2015
đến 30/06/2015

VND

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán

1.291.374.580.845

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

304.023.862

Cộng

1.291.678.604.707

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong kỳ, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ như sau:

Từ 01/04/2015
đến 30/06/2015

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu bình quân đã phát hành đầu kỳ

91.971.849

Ảnh hưởng của cổ phiếu tăng trong kỳ

-

**Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia
quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ**

91.971.849

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ 01/04/2015
đến 30/06/2015

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế (*)

143.050.954.085

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận
kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ
cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (*)

-

Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông

143.050.954.085

Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ

91.971.849

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

1.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	1.286.405.323.598
Chi phí nhân công	1.571.140.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	316.527.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	3.187.742.200
Cộng	1.291.480.733.701

17. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/1/2013 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 11/02/2015. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Pruksa là 205.800.000.000 VND (tương đương với 10.000.000 USD) trong đó Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% lên 36% vốn điều lệ..

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m²

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	299.079.476.936	660.973.443.341
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.245.319.977	112.471.337.626
Đầu tư tài chính ngắn hạn	152.669.656.384	274.770.266.982
Đầu tư tài chính dài hạn	253.544.999.445	252.986.000.000
Tổng cộng	760.539.452.742	1.425.266.127.296
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	83.100.000.000	276.868.090.825
Phải trả người bán và phải trả khác	437.780.464.150	637.402.534.504
Chi phí phải trả	567.222.222	4.623.500.000
Công nợ tài chính khác	6.910.251.413	14.230.000.000
Tổng cộng	528.357.937.785	933.124.125.329

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	299.079.476.936	-	299.079.476.936
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.245.319.977	-	55.245.319.977
Đầu tư tài chính ngắn hạn	152.669.656.384	-	152.669.656.384
Đầu tư tài chính dài hạn	-	253.544.999.445	253.544.999.445
Tổng cộng	506.994.453.297	253.544.999.445	760.539.452.742

30/6/2015			
Các khoản vay	83.100.000.000	-	83.100.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	390.626.969.600	-	437.780.464.150
Chi phí phải trả	567.222.222	-	567.222.222
Công nợ tài chính khác	6.910.251.413	-	6.910.251.413
Tổng cộng	481.204.443.235	-	528.357.937.785
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.790.010.062	253.544.999.445	279.335.009.507

	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
01/04/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	660.973.443.341	-	660.973.443.341
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.471.337.626	-	112.471.337.626
Đầu tư tài chính ngắn hạn	274.770.266.982	-	274.770.266.982
Đầu tư tài chính dài hạn	-	252.986.000.000	252.986.000.000
Tổng cộng	1.172.280.127.296	252.986.000.000	1.425.266.127.296

01/04/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	637.402.534.504	-	637.402.534.504
Chi phí phải trả	4.623.500.000	-	4.623.500.000
Công nợ tài chính khác	14.230.000.000	-	14.230.000.000
Tổng cộng	933.124.125.329	-	933.124.125.329
Chênh lệch thanh khoản thuần	239.156.001.967	252.986.000.000	492.142.001.967

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/04/2015 đến 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

SỐ B 09-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất từ thời điểm 11/3/2015, do đó không có số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cùng kỳ năm trước.



Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 7 năm 2015



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

